

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 13-02- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Ký và ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Các K (tên gọi khác: Xám), sinh ngày 02 tháng 4 năm 1996; nơi sinh và nơi cư trú: Khu phố L , phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1957 và bà Phan Thị V, sinh năm 1970; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 05/12/2014, bị TAND thị xã C xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 10/4/2015. Ngày 22/01/2016, bị TAND thị xã C xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 14/10/2016, bị TAND huyện ĐX xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, buộc chấp hành chung cho cả hai bản án là 02 năm 03 tháng 10 ngày tù, chấp hành xong ngày 03/02/2019; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/7/2011, bị Công an thị xã C đưa vào trường giáo dưỡng số 03 – Đà Nẵng, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 4760 ngày 05/7/2011 của UBND thị xã C về hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/10/2019. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Hữu B— sinh năm 1984; trú tại: Khu phố L , phường

X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đinh Ổ, sinh năm 1986; trú tại: Làng B, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Ông Trịnh B, sinh năm 1939; trú tại: Khu phố L, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Anh Trịnh Bình T, sinh năm 1979; trú tại: Khu phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Chị Trịnh Thị Mỹ N, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố H Nam, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 15/10/2019, sau khi đi xe khách từ thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa về thị xã C, Lê Các K mang theo 01 vali đựng quần áo đi bộ đến quán cà phê 79 tại Khu phố L, phường X, thị xã C để uống nước. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Hữu B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila, biển kiểm soát 78H8-0309 đến quán thì K rủ anh B ngồi chung bàn. Sau đó, K mượn xe mô tô nói trên của B để về nhà cất vali. Do quen biết từ trước nên B cho K mượn xe, K điều khiển xe chở vali chạy về hướng nhà của K, tuy nhiên K phát hiện để quên điện thoại di động của mình tại quán 79 nên điều khiển xe quay lại để lấy điện thoại. Lúc này K nói với B ở nhà K còn rượu và mời nhậu, để K về lấy đến nhậu, B đồng ý, bảo K về lấy rồi quay lại ngay. K điều khiển xe về trước nhà của mình thì nhìn thấy trong nhà có nhiều người, K sợ nếu vào nhà cất vali và lấy rượu thì sẽ bị người nhà la mắng nên K nảy sinh ý định bỏ trốn để chiếm đoạt xe mô tô 78H8-0309 làm phương tiện đi lại. K điều khiển xe đến Làng B, xã A, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Tại đây, do xe hết xăng và hết tiền tiêu xài nên K gạ bán chiếc xe này cho ông Đinh Ổ với giá 500.000 đồng. Ông Đinh Ổ nghi ngờ nên gọi điện thoại báo cáo Công an huyện Đak Pơ để tiến hành tạm giữ phương tiện và đưa K về trụ sở làm việc. Tại đây, K Kì nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 18/11/2019 của Hội

đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H8-0309 nhãn hiệu Attila có giá trị là 2.033.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Attila, biển kiểm soát 78H8-0309 đã giao trả cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu B đã nhận lại xe mô tô 78H8-0309, không yêu cầu K bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 01/CT-VKSSC ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đã truy tố bị cáo Lê Các K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo K nhận tội như đã K tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

- Người làm chứng ông Lê Văn H trình bày: Vào tối ngày 15/10/2019, Lê Các K có về nhà gặp tôi, thời điểm đó tại nhà tôi còn có mặt các con tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại Cáo trạng số 01/CT-VKSSC ngày 30/12/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Lê Các K từ 12 - 15 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam. Đề nghị:

- Về vật chứng vụ án: Xe mô tô biển kiểm soát 78H8-0309 đã trả lại cho người bị hại nên miễn xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu B đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 78H8-0309 và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an thị xã C và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại anh Nguyễn Hữu Bcó yêu cầu xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng ông Đinh O, ông Trịnh B, anh Trịnh Bình T, chị Trịnh Thị Mỹ N và chị Nguyễn Thị Thanh Tr vắng mặt. Anh Nguyễn Hữu Bđã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tất cả những người làm chứng đã có lời Ki tại hồ sơ vụ án. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại anh B và những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời Ki nhận tội của bị cáo Lê Các K tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời Ki người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15/10/2019, tại Khu phố L , phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên, Lê Các K có hành vi mượn xe mô tô biển kiểm soát 78H8 – 0309 của anh Nguyễn Hữu Brồi bỏ trốn. Tuy giá trị xe mô tô 78H8 – 0309 bị chiếm đoạt có giá trị chỉ 2.033.000 đồng nhưng trước đó, Lê Các K có 02 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi nêu trên của bị cáo Lê Các K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015. Do đó, truy tố tại cáo trạng số 01/CT-VKSSC ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, tin tưởng của bị hại, ngay sau khi nhận được sự giúp đỡ của bị hại đã nảy sinh và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Các K là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Các K có một tiền án về tội trốn khỏi nơi giam, chưa được xóa án tích, tiền án này không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm nên xác định lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Mặt khác, về nhân thân, ngày 06/7/2011, bị cáo K bị Công an thị xã C đưa vào trường giáo dưỡng

số 03 – Đà Nẵng, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 4760 ngày 05/7/2011 của UBND thị xã C về hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo K đã thành khẩn Ki báo, được bị hại anh Nguyễn Hữu Bxin giảm nhẹ hình phạt. Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như tính chất và mức độ tội phạm thì thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu Bxin nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Lê Các K bồi thường nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 78H8-0309 đã trao trả cho chủ sở hữu, người bị hại không có ý kiến gì khác nên không xem xét.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Lê Các K bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Các K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Lê Các K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu Bxin nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Lê Các K bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm

2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Các K phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp Phú Yên (01);
- VKSND TX. C (02);
- VKSND tỉnh Phú Yên (01);
- Cơ quan CSĐT Công an TX. C (01);
- THA HS TX. C (01);
- THA DS TX. C (01);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hs, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Tiên

